ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 23 /QĐ-TCĐGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thu hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải (Theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng các Phòng – Khoa thuộc Trường Cao đẳng Giao thông vận tải, Phụ trách kế toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, TCKT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Hoàng Ngọc Trâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI

Biểu số 2

Chương: 599 Loại: 070 Khoản: 093

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN
Mã số đơn vị sử dụng NSNN: 1015840
Mã số KBNN nơi giao dịch: 0112
Chương: 599 Loại: 070 Khoản: 093

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCĐGTVT ngày tháng 12 năm 2023 của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao 2024
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**87.900**
1	**Số thu phí, lệ phí**	**87.900**
1.1	Lệ phí	10.400
	Lệ phí cấp đổi bằng thuyền máy trưởng	*10.400*
1.2	Phí	77.500
	Phí sát hạch bằng thuyền máy trưởng	*77.500*
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**69.750**
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	69.750
a	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*	*69.750*
b	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**18.150**
3.1	Lệ phí	10.400
	Lệ phí cấp đổi bằng thuyền máy trưởng	*10.400*
3.2	Phí	7.750
	Phí sát hạch bằng thuyền máy trưởng	*7.750*
II	**Dự toán chi ngân sách Nhà nước**	**37.602.000**
1	***Chi quản lý hành chính***	
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (Loại 070, Khoản 093)***	***37.602.000***
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	25.060.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	25.060.000
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
	- Chi từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách thành phố	
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.542.000

	- Chi từ ngân sách thành phố	12.542.000
	Trong đó: - 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
	- Chi từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách thành phố	
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	
III	**Dự toán thu chi hoạt động sự nghiệp và dịch vụ**	
1	Dự toán thu	*60.167.097*
2	Dự toán chi (bao gồm các khoản chi nộp ngân sách nhà nước, trích tạo nguồn CCTL)	*60.167.097*
IV	**Nguồn CCTL của đơn vị từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và dịch vụ năm trước chuyển sang**	**20.340.000**